TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2021
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2021/HNGĐ – TLST ngày 12/01/2021, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 29/3/2021;Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐ-ST ngày 09/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐ-ST ngày 10/5/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh ngày 18/12/1985.

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh :Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Số 3/3 ngõ 40, đường Thuận P, Lý Long T, khu Đ, thành phố T, Đài Loan (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng của anh Th : Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1946.

Địa chỉ : Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn : Chị Phạm Thị Thùy Ch, sinh ngày 03/01/1985

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang đang lao động tại : Đài Loan (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1946.

Địa chỉ : Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ : Xóm T, thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đã được chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bầy:* Anh và chị Ch tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã S), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/2006. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Hai bên sống xa cách đã 7 năm và không quan tâm đến nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn M, sinh ngày 08/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Hương Q, sinh ngày 15/12/2012. Hiện tại cháu M đang sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn C và bà Khương Thị V. Cháu Q sống cùng bà ngoại là bà Nguyễn Thị T. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang lao động tại Đài Loan, không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên anh Th đề nghị được giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn C giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Do hiện nay chị Phạm Thị Thùy Ch đang lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam, anh Th không cung cấp được địa chỉ của chị Ch tại nước ngoài, nên Tòa án đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ chị Ch. Bà T xác định chị Ch đi Đài Loan lao động từ tháng 10/2020, địa chỉ bà không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên chị Ch thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Ch biết. Chị Ch có quan điểm về tình cảm vợ chồng đồng ý ly hôn; về con chung chị có nguyện vọng được nuôi cháu Q, trong thời gian không ở Việt Nam chị ủy quyền cho bà T chăm sóc cháu Q, bà T đồng ý nhận ủy quyền chăm sóc cháu Q thay chị Ch.

Trong quá trình giải quyết chị Ch có quan điểm yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là ngôi nhà 3 tầng xây trên đất của ông Nguyễn Văn C và bà Khương Thị V, đồng thời đề nghị xem xét khoản tiền vay của anh Phạm Văn B để làm nhà. Quá trình giải quyết vụ án chị Ch có quan điểm không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, sau này về Việt Nam chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- Tòa án đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn C, quan điểm của ông C đồng ý nhận ủy quyền của anh Th. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, ông

đã thông báo cho anh Th biết, anh Th giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Ch; Về con chung anh Th có quan điểm mỗi người nuôi một con, anh Th nuôi cháu M, chị Ch nuôi cháu Q;Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông C xác định ngôi nhà 3 tầng xây trên đất của vợ chồng ông không phải là tài sản chung của anh Th, chị Ch mà là tài sản của vợ chồng ông. Đồng thời ông cũng xuất trình căn cứ chứng minh gồm hợp đồng xây nhà và các hóa đơn, biên lai mua bán nguyên vật liệu xây nhà.

Cháu Nguyễn M và cháu Nguyễn Thị Hương Q là con chung của anh Th, chị Ch. Cháu M có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên quan điểm nhận ủy quyền của chị Ch, trong thời gian chị Ch không ở Việt Nam bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Th, chị Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ch được ly hôn anh Th. Về con chung: Giao cháu Nguyễn M, sinh ngày 08/8/2006 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Hương Q, sinh ngày 15/12/2012 cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Th, chị Ch không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu M cho ông Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị Thùy Ch hiện đang làm việc tại Đài Loan. Tài liệu anh Th gửi về gồm đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đã được chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do anh Th không cung cấp được địa chỉ của chị Ch ở Đài Loan nên theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/112018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị Ch cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được.Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy

định của pháp luật. Qua xác minh tại gia đình chị Ch thì được biết, chị Ch thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T. Bà T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị Ch biết. Anh Th, chị Ch đều ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu Q trong thời gian anh chị không ở Việt Nam. Do đó Tòa án xác định ông C, bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án anh Th, chị Ch, ông C có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th, chị Ch và ông C.

[2]. Về nội dung.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị Thùy Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ (nay là xã S), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/2006, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung, hai bên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ch. Thông qua gia đình chị Ch có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Th. Xét thấy thực tế, hai bên sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th.

2.2 Về con chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị Thùy Ch có hai con chung là cháu Nguyễn M, sinh ngày 08/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Hương Q, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi cháu M, chị Ch có nguyện vọng được nuôi cháu Q. Trong thời gian anh Th, chị Ch không ở Việt Nam, ông Nguyễn Văn C là bố đẻ anh Th đồng ý chăm sóc cháu M, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ chị Ch đồng ý chăm sóc cháu Q. Cháu M có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại. Xét thực tế cháu M đang ở với ông C, cháu Q đang ở với bà T, hai cháu đều được học tập và phát triển tốt. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu M cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu Q cho chị Ch nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.3 *Về tài sản chung, nợ chung*: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị Ch, anh Th có quyền đề nghị giải quyết tài sản chung, nợ chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[3].Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị Thùy Ch.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn M, sinh ngày 08/8/2006 cho anh Th nuôi dưỡng dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi, giao con chung Nguyễn Thị Hương Q, sinh ngày 15/12/2012 cho chị Ch nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Th, chị Ch không ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn M cho ông Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Hương Q cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Th, chị Ch được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung*:* Không xem xét giải quyết, các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do ông Nguyễn Văn C nộp thay, theo biên lai thu số AA/2018/0005714 ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị Thùy Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Đ;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền